PHỤ LỤC II

STT	NƠI CƯ TRÚ	TỔNG SỐ HỘ VÀ DIỆN TÍCH BỊ ẢNH HƯỞNG		TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN																				SO SÁNH SỐ LIỆU SO VỚI TUẦN, NGÀY		GHI CHÚ
				Tổng số	Diện tích (ha)	Đã kiểm đếm		Chưa kiểm đếm		Phương án đã được phê duyệt									Phương án chưa phê duyệt							
													Đã nhận tiền			Chưa nhận tiền			Phương án hoàn thiện sau công khai trình phê duyệt			Phương án công khai đang lấy ý kiến					
		Số hộ	Diện tích (ha)			Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Số hộ	Diện tích(ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Số hộ	Diện tích(ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Số hộ	Diện tích(ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Tăng	giảm	
I	**Dự án Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng Đường bao Khu dân cư phía Bắc thành phố Kon Tum (đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon Klor)**	***372***	***30,87***	***372***	***30,87***	***240***	***25,17***	***132***	***7,49***	***68***	***7,10***	***13,90***	***44***	***5,11***	***9,95***	***24***	***1,99***	***3,95***	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**			**Đ.c Nga thực hiện**
1	Phường Thống Nhất	259	26,57	*259*	26,57	*181*	*22,70*	*78*	*3,81*	*56*	*6,40*	*12,30*	*41*	*5,10*	*9,70*	*15*	*1,30*	*2,60*						0,00			
2	Phường Thắng Lợi	113	4,3	*113*	4,3	59	2,47	*54*	3,68	12	0,7	1,6	3	0,01	0,2	*9*	*0,69*	*1,35*									
A	***Tổng cộng ngày***																										
B	***Tổng cộng TUẦN***																										
	(A)-(B): tăng(+), giảm(-)																										
II	**Dự án Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng Đường bao Khu dân cư phía Nam thành phố Kon Tum (đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon Klor)**	***163***	***25,83***	**-**	**-**	***111***	***18,34***	***52***	***7,49***	***18***	***6,15***	***8,50***	***7***	***1,09***	***2,06***	***11***	***5,06***	***6,44***	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**			**Đ.c Tường thực hiện**
1	Phường Lê Lợi	91	16,02			81	12,21	10	3,81	18	6,15	8,50	7	1,09	2,06	11	5,06	6,44						0			
2	Xã Chư Hreng	72	9,81			30	6,13	42,0	3,68																		
A	***Tổng cộng ngày***																										
B	***Tổng cộng TUẦN***																										
	(A)-(B): tăng(+), giảm(-)																										
III	**Khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng Khu du lịch Ngục Kon Tum**	***106***	***6***	***106***	***6***	***70***	***5***	***36***	***1***	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	***5***	***0,04***	***3,0***			**Đ.c Hiếu thực hiện**
1	Phường Quyết Thắng	*27*	*2,0*	*27*	*2,0*	*27*	*2,0*															*5*	*0,0*	*3,0*			
2	Phường Quang Trung	*79*	*4,5*	*79*	*4,5*	*43*	*3,2*	*36*	*1,3*																		
A	**Tổng cộng ngày**																										
B	***Tổng cộng TUẦN***																										
	(A)-(B): tăng(+), giảm(-)																										
IV	**Dự án Dự án xây dựng cầu và đường hai đầu cầu từ bến du lịch xã Ia Chim, thành phố Kon Tum (Tỉnh lộ 671) đến đường giao thông kết nối với Tỉnh lộ 675A xã Ya Ly huyện Sa Thầy**																										**Đ.c Nguyện thực hiện**
1	Xã Ia Chim	*6*	*0,29*	*6*	*0,29*	*6*	*0,29*	-	-	*6*	*0,29*	*0,489*	*5*	*0,28*	*0,475*	*1*	*0,010*	*0,014*									
A	**Tổng cộng ngày**																										
B	***Tổng cộng TUẦN***																										
	(A)-(B): tăng(+), giảm(-)																										
V	**Đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư kết hợp với mở rộng, phát triển khu dân cư phía Bắc phường Duy Tân, thành phố Kon Tum**																										**Đ.c Thương thực hiện**
1	Phường Duy Tân	*53*	*4,3*			*53*	*4,3*			*45*	*3,6*	*3,12*	*25*	*2,75*	*1,74*	*20*	*0,85*	*1,38*									
A	**Tổng cộng ngày**															-	-	-									
B	***Tổng cộng TUẦN***															-	-	-									
	(A)-(B): tăng(+), giảm(-)															-	-	-									

STT	NƠI CƯ TRÚ	TỔNG SỐ HỘ VÀ DIỆN TÍCH BỊ ẢNH HƯỞNG		TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN																				SO SÁNH SỐ LIỆU SO VỚI TUẦN, NGÀY		GHI CHÚ
				Tổng số	Diện tích (ha)	Đã kiểm đếm		Chưa kiểm đếm		Phương án đã được phê duyệt									Phương án chưa phê duyệt							
													Đã nhận tiền			Chưa nhận tiền			Phương án hoàn thiện sau công khai trình phê duyệt			Phương án công khai đang lấy ý kiến				
		Số hộ	Diện tích (ha)			Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Số hộ	Diện tích(ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Số hộ	Diện tích(ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Số hộ	Diện tích(ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Tăng	giảm	
VI	**Chỉnh trang đô thị dọc tuyến Hồ Chí Minh tại thôn Thanh Trung, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum**															-	-	-								**Đ.c Thương thực hiện**
1	Phường Ngô Mây	34	16,0			34	16,00	-	-	1	9,10	10,33				*1*	*9,10*	*10,33*								
A	**Tổng cộng ngày**																									
B	***Tổng cộng TUẦN***																									
	(A)-(B): tăng(+), giảm(-)																									
VII	**Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư các công trình trên địa bàn thành phố Kon Tum kết hợp với mở rộng, phát triển khu dân cư (giai đoạn 02)**	**35**	**12,140**			***35***	***12,1***			***35***	***12,1***	***3***	***28***	***12,047***	***1,951***	***7***	***0,092***	***0,909***	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**			**Đ.c Thảo thực hiện**
1	Xã Đăk Blà	22	*0,274*			**22**	0,274			*22*	*0,274*	*1,254*	*19*	*0,250*	*0,631*	*3*	*0,024*	*0,623*									
2	Xã Đăk Cấm	1	*0,004*			1	0,004			*1*	*0,004*	*0,040*	*1*	*0,004*	*0,040*												
3	Phường Trường Chinh	3	*0,036*			3	0,036			*3*	*0,036*	*0,154*	1	0,013	0,013	2	0,023	0,141									
4	Phường Duy Tân	2	*11,698*			2	11,698			*2*	*11,698*	*1,102*	2	11,698	1,102												
5	Phường Quyết Thắng	3	*0,064*			3	0,064			*3*	*0,064*	*0,200*	1	0,019	0,055	2	0,046	0,145									
6	Phường Thắng Lợi	2	*0,017*			2	0,017			*2*	*0,017*	*0,021*	2	0,017	0,021												
7	Phường Quang Trung	1	*0,031*			1	0,031			*1*	*0,031*	*0,059*	1	0,031	0,059												
8	Xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy	1	*0,015*			1	0,015			*1*	*0,015*	*0,031*	1	0,015	0,031												
A	**Tổng cộng ngày**																									
B	***Tổng cộng TUẦN***																									
	(A)-(B): tăng(+), giảm(-)																									
VIII	**Dự án Mở rộng không gian đô thị phường Nguyễn Trãi thành phố Kon Tum kết hợp với khai thác quỹ đất.**	***294***	***41,50***	***294***	***41,50***	***287***	***40,98***	***7***	***0,52***	***28***	***8,02***	***3,34***	***13***	***2,30***	***0,34***	***15***	***5,72***	***3,00***	**-**	**-**	**-**	***14***	***8,03***	***2,85***			**Đ.c Thư thực hiện**
1	**Phường Nguyễn Trãi**																									
1.1	Đất Công ích	83	32,72	83	32,72	83	32,72			27	7,6	3,06	13	2,30	0,34	14	5,30	2,72				14	8,0	2,85			
1.2	Hộ gia đình, cá nhân	162	6,58	162	6,58	160	6,53	2	0,1																	
1.3	Đất lấn chiếm	1	0,42	1	0,42	1	0,4			1	0,42	0,279				1	0,42	0,279								
2	**Phường Lê Lợi**	48	1,78	48	1,78	43	1,3	5	0,5																	
A	**Tổng cộng ngày**																								0	
B	***Tổng cộng TUẦN***																									
	(A)-(B): tăng(+), giảm(-)																									
IX	**Dự án Kè chống sạt lở sông Đăk Bla đoạn qua làng Plei Đôn và làng Kon Rờ Bàng giai đoạn 1 gói thầu số 4, 5**																									**Đ.c Nguyện thực hiện**
1	Quyết Thắng	*75*	*1,63*	*75*	*1,63*	*75*	*1,63*	-	-	*72*	*1,560*	*7,58*	*69*	*1,480*	*7,0*	*3*	*0,08*	*0,58*	3	*0,07*	*0*	*0*	-	-		0	
A	**Tổng cộng ngày**																									
B	***Tổng cộng TUẦN***																									
	(A)-(B): tăng(+), giảm(-)																									
X	**San lấp mặt bằng khu đất công viên cây xanh có ký hiệu CV1, thuộc đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm hành chính mới, dịch vụ thương mại và dân cư tỉnh Kon Tum**																									**Đ.c Thương thực hiện**

STT	NƠI CƯ TRÚ	TỔNG SỐ HỘ VÀ DIỆN TÍCH BỊ ẢNH HƯỞNG		TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN																				SO SÁNH SỐ LIỆU SO VỚI TUẦN, NGÀY		GHI CHÚ
				Tổng số	Diện tích (ha)	Đã kiểm đếm		Chưa kiểm đếm		Phương án đã được phê duyệt									Phương án chưa phê duyệt							
													Đã nhận tiền			Chưa nhận tiền			Phương án hoàn thiện sau công khai trình phê duyệt			Phương án công khai đang lấy ý kiến				
		Số hộ	Diện tích (ha)			Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Số hộ	Diện tích(ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Số hộ	Diện tích (ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Số hộ	Diện tích(ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Số hộ	Diện tích(ha)	Số tiền (tỷ đồng)	Tăng	giảm	
1	Phường Quyết Thắng	*1*	*0,11*			*1*	*0,11*			*1*	0,11	*0,07*				*1*	*0,11*	*0,07*									
A	***Tổng cộng TUẦN***																									
B	***Tổng cộng TUẦN***																									
	(A)-(B): tăng(+), giảm(-)																									
XI	**Dự án Nghĩa trang Nhân dân xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum; Hạng mục: Đường giao thông nội bộ, cổng vào nghĩa trang và các hạng mục phụ trợ khác**																									**Đ.c Thư thực hiện**
1	Xã Đăk Blà	*4*	*3,298*	*4*	*3,298*	*4*	*3,298*															*4*	*3,298*	*0*			
A	**Tổng cộng ngày**																									-	-
B	***Tổng cộng TUẦN***																										
	(A)-(B): tăng(+), giảm(-)																										
XII	**Dự ánTrung tâm Đăng kiểm 82.01.S**																										
2	Phường Ngô Mây	5	0,43	5	0,43	5	0,43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
A	**Tổng cộng ngày**	5	0,43	5	0,43	5	0,43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
B	***Tổng cộng TUẦN***																										
	(A)-(B): tăng(+), giảm(-)																										
XIII	**Dự án Sân bê tông xi măng tại giao lộ đường Đặng Tiến Đông – Nguyễn Thái Bình, thôn Plei Rơhai 1, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum**	**1**	**0,015**			**1**	**0,015**																			**Đ.c Hiếu thực hiện**
1	Phường Duy Tân	1	0,015			1	0,015																				
A	**Tổng cộng ngày**																										
B	***Tổng cộng TUẦN***																										
	(A)-(B): tăng(+), giảm(-)																										
XIV	**Dự án Trạm Biến áp 110kV Kon Tum 2 và đấu nối**																										**Đ.c Thư thực hiện. Đang chờ Chủ đầu tư điều chỉnh diện tích ảnh hưởng hành lang**
1	Phường Trần Hưng Đạo	83	0,496	83	0,496	83	0,496																				
A	**Tổng cộng ngày**																									0	
B	***Tổng cộng TUẦN***																										
	(A)-(B): tăng(+), giảm(-)																										